

Phụ lục
KẾ HOẠCH DANH MỤC CÔNG TRÌNH /DỰ ÁN VÀ PHÂN KỲ ĐẦU TƯ
(Kèm theo Kế hoạch số 479/KH-UBND ngày 23 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

A	DANH MỤC CÔNG TRÌNH/DỰ ÁN	Tổng mức đầu tư (Tr.đ)	Trong đó		Đơn vị chủ trì/ chủ đầu tư	Đơn vị phối hợp	Ghi chú
			TW	NS địa phương			
	TỔNG CỘNG	25.003.001	16.351.849	8.651.152			
A	CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN 2021-2025	3.972.284	2.627.832	1.344.452			
1	Dự án Kè chống sạt lở bờ sông Tiền bảo vệ dân cư khu vực thị trấn Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	100.000	90.000	10.000	Ban QLDA ĐTXD CT GT và NN tỉnh	Các Sở: NNPTNT, TNMT, Tài chính, Kế hoạch	Quyết định số: 601/QĐ-UBND ngày 28/3/2022; 1706/QĐ-UBND ngày 05/7/2022
2	Dự án kè chống sạt lở bờ sông Hậu bảo vệ thành phố Long Xuyên	314.939	202.932	112.007	Sở Nông nghiệp và PTNT/Ban QLDA ĐTXD CT Nông nghiệp và PTNT	Các Sở: NNPTNT, TNMT, Tài chính, Kế hoạch	Quyết định số: 1663/QĐ-UBND ngày 17/8/2015; 2946/QĐ-UBND ngày 05/10/2017; 1056/QĐ-UBND ngày 15/5/2018; 1452/QĐ-UBND ngày 21/6/2018; 814/QĐ-UBND ngày 10/4/2020; 1711/QĐ-UBND ngày 23/7/2021
3	Xử lý khẩn cấp sạt lở bờ Đông sông Châu Đốc tại Tổ 44, ấp An Thạnh, thị trấn An Phú, huyện An Phú, tỉnh An Giang	38.507		38.507	Sở Giao thông Vận tải	Các Sở: NNPTNT, TNMT, Tài chính, Kế hoạch	Quyết định số 2312 /QĐ-UBND ngày 08/10/2021
4	Dự án Xử lý sạt lở bờ sông Hậu bảo vệ Quốc lộ 91 đoạn qua xã Bình Mỹ, huyện Châu Phú	13.432	13.432		Ban QLDA ĐTXD CT Giao thông tỉnh	Các Sở: NNPTNT, TNMT, Tài chính, Kế hoạch	Quyết định số: 2639/QĐ-UBND ngày 31/10/2019; 1277/QĐ-UBND ngày 05/6/2020
5	Dự án Xử lý sạt lở bờ sông Hậu đoạn qua xã Vĩnh Thạnh Trung, huyện Châu Phú	53.500	53.500		Ban QLDA ĐTXD CT GT và NN tỉnh	Các Sở: NNPTNT, TNMT, Tài chính, Kế hoạch	Quyết định số 840/QĐ-UBND ngày 20/4/2021
6	Kè chống sạt lở bờ sông Cái Sắn, phường Mỹ Thạnh	29.935	29.935		BQLDA ĐTXD CT Nông nghiệp và PTNT	Các Sở: NNPTNT, TNMT, Tài chính, Kế hoạch	Quyết định số 2137A/QĐ-UBND ngày 08/9/2020
7	Kè khắc phục khẩn cấp sạt lở rạch Cái Sắn (đoạn mương Sáu Bá đến nhà máy Việt Hưng và đoạn từ Mương Thơm đến nhà ông 3 Kiệt - Kè hiện có), phường Mỹ Thạnh, thành phố Long Xuyên	59.827	56.500	3.327	BQLDA ĐTXD Khu vực TP Long Xuyên	Các Sở: NNPTNT, TNMT, Tài chính, Kế hoạch	Quyết định số 868/QĐ-UBND ngày 26/4/2021
8	Kè khắc phục khẩn cấp sạt lở rạch Cái Sắn (từ rạch Năm Sú đến mương Sáu Bá), phường Mỹ Thạnh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang	29.993	29.993		UBND TP Long Xuyên/Ban QLDA ĐTXD Khu vực TP Long Xuyên	Các Sở: NNPTNT, TNMT, Tài chính, Kế hoạch	Quyết định số 3017/QĐ-UBND ngày 24/12/2020
9	Xử lý sạt lở bờ sông Hậu khu vực Trạm kiểm soát Biên phòng Đồng Đức thuộc Đồn Biên phòng Phú Hữu, xã Phú Hữu, huyện An Phú	20.785	20.000	785	Ban QLDA ĐTXD CT GT và NN tỉnh	Các Sở: NNPTNT, TNMT, Tài chính, Kế hoạch	Quyết định số 841/QĐ-UBND ngày 20/4/2021

10	Kè khắc phục khẩn cấp sạt lở rạch Cái Sắn (đoạn từ nhà máy Việt Hưng đến rạch Mương Thom)	83.998	83.998		BQLDA ĐTXD Khu vực TP Long Xuyên	Các Sở: NNPTNT, TNMT, Tài chính, Kế hoạch	Quyết định số: 3079/QĐ-UBND ngày 24/12/2021; 467/QĐ-UBND ngày 16/3/2022
11	Kè khắc phục khẩn cấp sạt lở rạch Cái Sắn (từ điểm cuối kè do Ban Quản lý dự án ĐTXD công trình Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh làm chủ đầu tư đã hoàn thành đến ranh An Giang – Cần Thơ)	54.023	54.023		BQLDA ĐTXD CT Nông nghiệp và PTNT	Các Sở: NNPTNT, TNMT, Tài chính, Kế hoạch	Quyết định số 801/QĐ-UBND ngày 20/4/2022
12	Dự án Xử lý sạt lở khẩn cấp sạt lở bờ sông Hậu đoạn qua xã Vĩnh Thạnh Trung và Bình Mỹ, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang	130.000	130.000		Ban QLDA ĐTXD CT GT và NN tỉnh	Các Sở: NNPTNT, TNMT, Tài chính, Kế hoạch	Quyết định số 2536/QĐ-UBND ngày 17/10/2022
13	Dự án Kè chống sạt lở bờ Tây sông Hậu đoạn xã Quốc Thái, huyện An Phú, Tỉnh An Giang	120.000	120.000		Ban QLDA ĐTXD CT GT và NN tỉnh	Các Sở: NNPTNT, TNMT, Tài chính, Kế hoạch	Quyết định số 2477/QĐ-UBND ngày 06/10/2022
14	Kè quản lý khu đất bãi bồi tiếp giáp Khu lưu niệm Chủ tịch Tôn Đức Thắng	31.836		31.836	Ban QLDA ĐTXD CT GT và NN tỉnh	Các Sở: NNPTNT, TNMT, Tài chính, Kế hoạch	Quyết định số 977/QĐ-UBND ngày 12/5/2022
15	Tuyến kè đầu kênh Vĩnh An (đoạn từ bờ kè đến Chùa Ông)	18.365		18.365	UBND thị xã Tân Châu/Ban QLDA ĐTXD Khu vực Tân Châu	Các Sở: NNPTNT, TNMT, Tài chính, Kế hoạch	Quyết định số 2656/QĐ-UBND ngày 11/11/2021
16	HT Thuỷ lợi vùng cao thích ứng biến đổi khí hậu PV tái cơ cấu SXNN cho đồng bào vùng Bảy Núi	457.859	223.028	234.831	Ban QLDA ĐTXD CT GT và NN tỉnh	Các Sở: NNPTNT, TNMT, Tài chính, Kế hoạch	Quyết định số: 2696/QĐ-UBND ngày 29/10/2018; 252/QĐ-UBND ngày 06/3/2023
17	Tăng cường khả năng thích ứng và quản lý nước cho vùng thượng nguồn sông Cửu Long-WB9	651.515	359.927	291.588	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, ngành: Ban QLDA ĐTXD CT GT và NN, Tài chính, Xây dựng	Quyết định số 3088/QĐ-UBND ngày 20/12/2022
18	NCCT tuyến kênh Vĩnh Tế thuộc HTTL vùng Tứ giác Long Xuyên thích ứng biến đổi khí hậu	200.000	157.000	43.000	Ban QLDA ĐTXD CT GT và NN tỉnh	Các Sở: NNPTNT, TNMT, Tài chính, Kế hoạch	Quyết định số: 3273/QĐ-UBND ngày 30/10/2017; 321/QĐ/UBND ngày 09/2/2018; 121/QĐ-UBND ngày 20/1/2022
19	Kiểm soát lũ vùng Tây Sông Hậu	352.070	150.300	201.770	Ban QLDA ĐTXD CT GT và NN tỉnh	Các Sở: NNPTNT, TNMT, Tài chính, Kế hoạch	Quyết định số: 3272/QĐ-UBND ngày 30/10/2017; 321/QĐ/UBND ngày 09/2/2018; 857/QĐ-UBND ngày 27/4/2022
20	Xây dựng và nhân rộng mô hình "cánh đồng lớn" tỉnh An Giang giai đoạn 2016-2020	328.835	80.000	248.835	Ban QLDA ĐTXD CT GT và NN tỉnh	Các Sở: NNPTNT, TNMT, Tài chính, Kế hoạch	Quyết định số: 3011/QĐ-UBND ngày 28/10/2016, 466/QĐ-UBND ngày 16/3/2022
21	Cụm công trình thủy lợi vùng cao Bảy Núi	516.300	450.500	65.800	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, ngành: Ban QLDA ĐTXD CT GT và NN tỉnh, Tài chính, Xây dựng	Quyết định số 3375/QĐ-BNN-KH ngày 26/7/2021; 4621/QĐ-UBND-TCTL ngày 30/11/2022

22	Nâng cấp HT thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản khu vực Tây đường tránh TPLX	96.565	72.764	23.801	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở: Ban QLDA ĐTXD CT GT và NN tỉnh, TNMT, Tài chính, Kế hoạch	Quyết định số 1862/QĐ-BNN-TCTL ngày 29/4/2021
23	Tuyến kè bảo vệ khu dân cư xã Châu Phong	130.000	120.000	10.000	BQLDA ĐTXD Khu vực thị xã Tân Châu	Các Sở: NNPTNT, TNMT, Tài chính, Kế hoạch	Quyết định số 899/QĐ-UBND ngày 31/05/2024
24	Dự án kè chống sạt lở đường Bờ Bắc Kênh Mới	140.000	130.000	10.000	BQLDA ĐTXD Khu vực huyện An Phú	Các Sở: NNPTNT, TNMT, Tài chính, Kế hoạch	Quyết định số 874/QĐ-UBND ngày 29/05/2024
B	CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN 2026-2030	11.720.000	9.000.000	2.720.000			
1	Đầu tư xây dựng các đoạn kè sạt lở cấp bách	8.772.121	7.118.410	1.653.711	Ban QLDA tỉnh An Giang/Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở: Tài chính, Xây dựng, các xã, phường	Vốn Trung Ương: các đoạn kè thuộc sông Hậu, sông Bình Di và sông Tiền
2	Tiểu vùng WB9	76.856	6.634	70.222	Sở Nông nghiệp và Môi trường/Công ty TNHH KTTL An Giang	Các Sở, ngành: Ban QLDA tỉnh An Giang, Tài chính, Xây dựng	
2.1	Nạo vét kênh	6.634	6.634	0			Vốn Trung Ương: đề xuất nạo vét cho các kênh trực chính
2.2	Cổng - Nâng cấp cải tạo cửa van và thiết bị	7.308		7.308			Vốn Địa Phương: đề xuất nạo vét cho các kênh liên xã và nội xã
2.3	Trạm bơm xây dựng mới	51.773		51.773			
2.4	Trạm bơm chuyển đổi dầu sang điện và nâng cấp nhà bao che	11.141		11.141			04 trạm bơm xây dựng mới
3	Tiểu Vùng Bắc Vàm Nao	447.151	3.153	443.998			05 trạm bơm chuyển đổi dầu sang điện
3.1	Cổng hồ 02 đầu kênh Vĩnh An, xây dựng trạm bơm điện tưới, tiêu thuộc tiểu vùng Bắc Vĩnh An (3.330 ha)	40.000		40.000	Sở Nông nghiệp và Môi trường/Các xã, phường	Các Sở: Ban QLDA tỉnh An Giang, Tài chính, Xây dựng	TX. Tân Châu
3.2	Nạo vét kênh	20.841	3.153	17.688			
3.3	Nâng cấp đê bao kiểm soát lũ kết hợp giao thông	59.951		59.951			
3.4	Cổng - Nâng cấp cải tạo cửa van và thiết bị	6.979		6.979			
3.5	Trạm bơm chuyển đổi dầu sang điện và nâng cấp nhà bao che	1.200		1.200			Huyện Phú Tân
3.6	Nạo vét kênh	119.200		119.200			
3.7	Nâng cấp đê bao kiểm soát lũ kết hợp giao thông	193.770		193.770			
3.8	Cổng - Nâng cấp cải tạo cửa van và thiết bị	4.970		4.970			
3.9	Trạm bơm chuyển đổi dầu sang điện và nâng cấp nhà bao che	240		240			
4	Tiểu Vùng Nam Vàm Nao	1.797.204	1.272.273	524.931			
4.1	Nạo vét kênh	256.735	6.303	250.432	Sở Nông nghiệp và Môi trường/Các xã, phường	Các Sở: Ban QLDA tỉnh An Giang, Tài chính, Xây dựng	Huyện Chợ Mới
4.2	Kiên cố hoá hệ thống kênh mương	181.580		181.580			
4.3	Nâng cấp đê bao kiểm soát lũ kết hợp giao thông	136.940	97.235	39.705			
4.4	Xây dựng mới các cổng (thuộc DA Nam Vàm Nao giai đoạn 2)	1.168.735	1.168.735				
4.5	Cổng - Nâng cấp cải tạo cửa van và thiết bị	15.740		15.740			
4.6	Trạm bơm xây dựng mới	32.674		32.674			

4.7	Trạm bơm chuyển đổi dầu sang điện và nâng cấp nhà bao che	4.800		4.800			
5	Vùng Tứ Giác Long Xuyên	27.138	0	27.138			
5.1	Nạo vét hồ Ô Tà Sóc, Ô Thum, Soài Chek, Ô Tức sa	27.138		27.138	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ngành: Ban QLDA tỉnh An Giang, Tài chính, Xây dựng	
5.2	Lập quy trình vận hành hồ Soài Chek						
5.3	Kiểm định an toàn đập hồ Ô Thum, Soài Chek, Núi Dài 2, Cô Tô, Tà Lọt						
5.4	Phương án ứng phó khẩn cấp hồ Soài Chek, Núi Dài 2, Cô Tô, Soài So, Tà Lọt, Thủy Liêm 1						
5.5	Phương án ứng phó thiên tai hồ Ô Thum, Soài Chek, Núi Dài 2, Cô Tô, Tà Lọt						
6	Dự án cải tạo các tuyến kênh trục chính và hệ thống đê bờ bao vùng TGLX	599.530	599.530	0	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng	
6.1	Kênh Ranh	281.066	281.066				
6.2	Kênh Trà Sư - Tri Tôn	318.464	318.464				
C	CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN SAU 2030	9.310.717	4.724.017	4.586.700			
1	Đầu tư xây dựng các đoạn kè sạt lở cấp bách	5.226.043	2.692.930	2.533.113	Ban QLDA tỉnh An Giang/Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở: Tài chính, Xây dựng, các xã, phường	
2	Vùng Tứ Giác Long Xuyên	3.963.965	2.031.087	1.932.878	Sở Nông nghiệp và Môi trường/các xã, phường	Các Sở: Tài chính, Xây dựng	
2.1	Nạo vét kênh	272.788	13.469	259.319			
2.2	Nâng cấp đê bao kiểm soát lũ kết hợp giao thông	908.300	430.718	477.582			
2.3	Công - Nâng cấp cải tạo cửa van và thiết bị	703.355		703.355			
2.4	Trạm bơm xây dựng mới	386.016		386.016			39 trạm bơm xây dựng mới (TT 08, TB 01, LX 14, CĐ 05, CP 07, CT 03, TS 01)
2.5	Trạm bơm chuyển đổi dầu sang điện và nâng cấp nhà bao che	106.606		106.606			47 trạm bơm chuyển đổi dầu sang điện (TT 05, TB 06, CĐ 07, CT 29)
2.6	Xây dựng mới 2 Công trên sông Hậu; khẩu độ B=35m, kết hợp âu thuyền B=10,5m (Công kênh Tri Tôn, công kênh Cây Dương (Ba Thê)).	712.428	712.428		Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng	
2.7	Xây dựng mới 06 công trên sông Hậu; khẩu độ B=20m, Âu thuyền 5,5m, (Công Kênh Đào, công Càn Thảo, công kênh 10 Châu Phú, công Núi Chắt Năng Gù, công Kênh Mặc Càn Dung, công kênh Chắt Cà Dao).	874.472	874.472				
3	Cắm mốc bảo vệ công trình	13.044		13.044	Sở Nông nghiệp và Môi trường/các xã, phường	Các Sở: Tài chính, Xây dựng	
4	Thiết bị giám sát vận hành - SCADA	107.665		107.665			